

## Phẩm Thứ 15: TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

Sư nghiêm, Đạo đáng tôn trọng. Đệ tử tận tụy vâng theo. Một khi đức Như Lai ra lệnh bốn phương đều vội vàng xuất hiện, cho nên nói Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất. Ba đời giáo hóa dẫn dắt, ban cho lợi ích không bờ bến, như một vầng trăng muôn bóng hiện, ai có thể suy lường? Mời qua để thị hiện, hoàng kinh để lợi lạc đương lai, cho nên nói Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất. Lại, như hư không vắng lặng không sớm không chiều. Hoặc là do chấp Tích mà lơ mờ nơi Bản, nên mời xưa thị hiện nay để phá Cận mà hiển Viễn, cho nên nói Tùng Địa Dũng Xuất. Lại, nêu ra ý Cha trẻ ở đạo tràng tịch diệt, con già ở cõi Tịch quang, chỉ bày công lực thuốc kia, khiến đều được biết, cho nên nói Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Văn nói: “Các Bồ-tát từ đâu đến? Nhân duyên gì mà tập hợp nơi đây?”. Nay dùng các nghĩa giải thích phẩm, hiển bày giải thích theo nghĩa Nhân duyên, Tứ Tất-đàn. Cho nên, nói: Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Từ đây sắp xuống là đoạn lớn mở ra phần Cận tích của Sư môn, hiển bày Viễn bản của Phật địa. Văn chia làm ba:

I. “Từ đây xuống đến “các ông tự phải nhân đó mà được nghe” là đoạn Tựa.

II. Từ “Bấy giờ đức Thích-ca bảo ngài Di-lặc”... đến hết phần Di-lặc thuyết mười chín hàng kệ trong phẩm Phân Biệt Công Đức, là đoạn Chánh thuyết.

III. Từ sau kệ trở xuống, mười một phẩm rưỡi, là đoạn Lưu thông.

Đoạn văn Tựa chia làm hai: 1. Dũng xuất. 2. Nghi vấn.

Dũng xuất chia làm ba: 1. Bồ-tát phương khác thỉnh hoàng kinh. 2. Đức Như Lai không chấp nhận. 3. Hạ phương dũng xuất. Bồ-tát phương khác nghe lưu thông kinh được phước lớn, đều muốn phát nguyện ở cõi này hoàng tuyên, cho nên xin được làm việc đó. Như Lai không chịu, bởi vì ba lý do: 1. Các ông mỗi vị đều tự có trách nhiệm riêng, nếu trụ cõi này thì bỏ lợi ích ở cõi kia. 2. Lại, cõi khác và cõi này việc kết duyên nông cạn, dù muốn tuyên bày truyền trao cũng không có lợi ích lớn cho cả hai. 3. Lại nếu hứa thuận cho, thì không được gọi phương dưới. Nếu các vị Bồ-tát ở phương dưới không đến, thì Tích không được phá, Viễn không được hiển. Đó là ba lý do mà Như Lai không chấp thuận. Gọi hạ phương đến cũng có ba nghĩa: Là đệ tử ta thì nên hoàng pháp của ta, do

duyên sâu rộng có thể làm lợi ích khắp cõi này, khắp cõi của phân thân được lợi ích, khắp các cõi khác được lợi ích. Lại, được khai Cận hiển Viễn, vì vậy cho nên không chấp thuận cõi kia mà gọi cõi dưới.

Từ “Khi đức Phật nói lời đó” trở xuống, là Hạ phương dũng xuất, chia làm hai đoạn: 1. Kinh gia trình bày tướng. 2. Hỏi thăm. Mỗi đoạn đều có năm môn:

Năm môn của đoạn đầu: 1. Dũng xuất. 2. Thân tướng. 3. Trụ xứ. 4. Nghe mệnh lệnh. 5. Quyển thuộc.

Trụ xứ: cõi Thường Tịch Quang. Thường tức Thường đức, Tịch tức Lạc đức, Quang tức Tịnh và Ngã. Đó là bốn đức bí mật tạng. Chính trụ xứ kia dùng pháp Bất trụ mà trụ trong Bí tạng. “Hạ phương”: Như đáy sâu của pháp tánh, như địa vị cùng cực của huyền tông, cho nên nói “hạ phương”. Ở hạ phương thì không thuộc đây, ở không trung thì không thuộc kia, chẳng đây chẳng kia tức Trung đạo. Ra khỏi đây, không ở trên, không ở dưới đây, không trên không dưới trụ tại không trung, cũng là Trung đạo.

Nguyên do đến: Là nghe lệnh cho nên đến, vì hoằng pháp cho nên đến, vì phá chấp cho nên đến, vì hiển Bản cho nên đến, đều như trên nói. “Đều đem theo quyển thuộc”: Nếu vì nhân tình đến xem, thì nói lãnh sáu vạn năm vạn hằng sa người, gọi là nhiều; lãnh ba, hai, một người thì gọi là ít; riêng một mình đến, gọi là đơn độc. Nếu y văn đến tìm, thì sáu vạn năm vạn là ít, riêng một mình là nhiều. Văn nói: “Có những vị riêng một mình”, số này chuyển vượt cả số trên. Nếu dựa vào pháp môn, thì mỗi mỗi đều là đức của Đạo sư, có khả năng dẫn dắt mọi người đến Bảo sở. Nên biết “một mình” không phải chỉ là một, “sáu vạn” không phải là nhiều. “Một” tức một đạo thanh tịnh. “Hai” tức định, tuệ. “Ba” tức giới định tuệ. “Bốn” tức Tứ đế. “Năm” tức Ngũ nhân. “Sáu” tức Lục độ. Mỗi một độ đủ mười pháp giới, mỗi một giới đều có mười, mười tức có trăm, trăm tức có ngàn, ngàn tức có vạn. Một độ đủ một vạn, sáu độ đủ sáu vạn pháp môn. Nhiều không gọi là nhiều, một không gọi là ít. Chẳng nhiều chẳng ít, mà là nhiều mà là ít.

Từ “Các vị Bồ-tát đó từ dưới đất lên” trở xuống, là phần thăm hỏi, chia làm năm phần: 1. Ba nghiệp cúng dường. 2. Lời trình bày thăm hỏi.

3. Phật đáp an lạc. 4. Kệ tụng tùy hỷ. 5. Như Lai thuật tán.

- Phần một: Ba nghiệp cúng dường: “Trải qua năm mươi tiểu kiếp mà cho là như nửa ngày”, “bốn chúng thấy khắp”, đây chính là ẩn dài mà hiện ngắn, nhờ vào thần lực kia khiến hẹp mà thấy rộng, đều là bất khả tư nghì. Lễ bái nhiều quanh là thân nghiệp. Tán thán pháp là

khẩu nghiệp, chiêm ngưỡng là ý nghiệp. Năm mươi tiểu kiếp đồng nửa ngày, đây là thời tiết bất khả tư nghì. Đức Như Lai thấy không dùng hai tướng, Bồ-tát hạ phương thường khen ngợi, Như Lai im lặng thọ nhận lời khen. Người hiểu, tức ngắn mà dài, nghĩa là năm mươi tiểu kiếp. Người mê, tức dài mà ngắn, nghĩa là như nửa ngày. Đây là vì Bản Tích mà làm lộng dẫn. Khi Như Lai chưa thuyết thì lờ mờ Bản mà chấp Tích, đức Phật nếu khai hiển thì ngộ Cận mà đạt Viễn, cũng biết bất tư nghì nhất. Bốn chúng thấy khắp các Bồ-tát, cũng là bất khả tư nghì. Xét rằng nhục nhãn, thiên nhãn thấy không xa, mà nay thấy đầy khắp cả hư không, thấy mưa mạnh biết rộng lớn, thấy hoa đầy biết ao sâu, thấy ứng khắp hư không thì biết chân thật đầy khắp pháp giới.

- Phần hai: Lời trình bày thăm hỏi: trước là Nêu bốn đạo sư, sau là Trình bày lời hỏi thăm, lại chia làm hai: Trường hàng và kệ tụng. Trường hàng lại có hai: 1. Hỏi Như Lai an lạc. 2. Hỏi chúng sinh dễ độ... Chỉ nêu bốn người: là muốn so sánh khai thị ngộ nhập bốn mươi vị. Như Hoa Nghiêm chỉ nêu Pháp tuệ, Công đức lâm, Kim tràng, Kim tạng bốn mươi vị.

- Phần ba: Như Lai đáp đủ. “An lạc dễ độ”, hai việc nương nhau mà thành, dễ độ thì an lạc, an lạc thì dễ độ. Dễ độ chia làm hai hạng: 1. Căn lợi đức dày, đời đời đến nay thường nhận được sự hóa độ Đại thừa. Ban đầu thấy thân ta, liền bảm thọ Hoa Nghiêm nhập Như Lai tuệ, như quả chín dễ rụng, là chúng sinh dễ độ. 2. Căn độn đức mỏng: Đời đời đến nay không thọ Đại hóa, nên vì hạng người này mà khai độn nói tiêm giáo như: Tam tạng, Phương Đẳng Bát-nhã mà điều phục, cũng khiến cho hạng người này nay nghe Pháp Hoa vào Phật tuệ. So với hạng trước thì tuy là khó, nhưng đối với Phật thì rất dễ vì Phật hiểu kia thích ứng phương tiện nên được. Nếu đức mỏng thì cần phải tô đắp trí tuệ, còn ngộ thì đồng.

Nay lược nêu mười ý giải thích: 1. Ban đầu thấy nay thấy. 2. Khai hợp, không khai hợp. 3. Theo chiều dọc rộng, theo chiều ngang lược. 4. Bản một, Tích nhiều, Tích chung, Bản chỉ một. 5. Nói thêm, không nói thêm. 6. Biến cõi, không biến cõi. 7. Nhiều chỗ, không nhiều chỗ. 8. Loại bỏ, không loại bỏ. 9. Trực hiển thật, khai quyền hiển thật. 10. Lợi căn thuần thực trước, độn căn sau mới thuần thực.

Ý thứ nhất: Ban đầu thấy, nay thấy: Lúc ban đầu mới thành đạo, gọi là ban đầu thấy, ngôi tòa Pháp Hoa lâu sau chân thật gọi là nay thấy.

Ý thứ hai: Mặt trời chiếu lên núi cao tức là thuyết Đốn giáo,

không khai không hợp. Vì người không thể nhập được, cho nên khai Đốn thuyết Tiệm, ngũ vị điều phục khiến Tiệm qui về Đốn.

Ý thứ ba: Đốn thẳng theo chiều dọc (thời gian) nhập pháp giới, cho nên nói “dọc rộng”; không trải qua phương tiện cho nên nói “ngang lược”. Nay trải qua ngũ vị, tức là “ngang rộng”. Được nhập Phật tuệ cũng là “dọc rộng”.

Ý thứ tư: Chỉ một đài, cho nên Bản một, ngàn cánh hoa cho nên Tích nhiều. Tích cùng các kinh đồng, cho nên nói Tích cùng chung. Bản cùng các kinh khác nhau, cho nên nói Bản chỉ một mình.

Ý thứ năm: Thêm bốn Bồ-tát nói bốn mươi vị, tự nói khai thị ngộ nhập không thêm người khác.

Ý thứ sáu: Hoa Vương thế giới cho nên nói cõi không biến, hai lần biến đổi cõi đất cho nên nói cõi biến.

Ý thứ bảy: Thất xứ, Bát hội cho nên gọi là “nhiều chỗ”, núi Kỳ-xà-quật viễn xử hư không cho nên “không nhiều chỗ”.

Ý thứ tám: Diệt Hóa thành, đổi khách làm con, cho nên nói “loại bỏ”, không có việc như thế, thì nói “không loại bỏ”.

Ý thứ chín: Đi con đường thẳng lớn, gọi là “trực hiển thật”, quyết liễu pháp Thanh văn gọi là “khai quyền hiển thật”.

Ý thứ mười: Căn lợi, duyên thuận thực thì lúc ban đầu nhập Phật tuệ, căn độn thì về sau mới thuận thực, nay mới nhập Phật tuệ.

Vì duyên thích nghi không đồng, nên lược làm mười ý sai khác, nhưng chủng trí pháp giới bình đẳng vô sai biệt. Cho nên, văn nói: “Vừa thấy thân ta nghe ta thuyết pháp tức đều tin thọ nhập Như Lai tuệ, trừ người trước đã tu tập học hạnh Tiểu thừa, nay nghe kinh này mới nhập Phật tuệ”. Văn đây nêu rõ, không còn nghi ngại. Các sư thấy duyên kia sai khác, bèn duyên theo cái sai khác mà giải thích mê mờ không biết, trái lại cách đạo càng xa. Nếu hiểu lý đồng, thì như ngàn xe cùng chung dấu vết. Phật tuệ thì không sai khác.

Xưa nói: “Hoa Nghiêm thì liễu nghĩa, mãn tự, thường trú. Pháp Hoa thì không liễu nghĩa, chẳng mãn, chẳng thường”. Nay dùng văn đây bao gồm. Nếu đầu tiên nhập là liễu nghĩa, nay nhập không liễu nghĩa, thì đầu tiên nhập là Phật tuệ, nay nhập không là Phật tuệ ư? Nếu Phật tuệ đã đồng, thì liễu nghĩa cũng đồng và mãn tự, thường trú cũng đều như thế... Địa nhân gọi Hoa Nghiêm là viên tông, Pháp Hoa là bất chân tông. Nay cũng dùng văn đây bao gồm nghĩa đó.

- Phần bốn: Bồ-tát lãnh giải tùy hỷ. Năng vấn tức là bốn vị đại sĩ trong Hoa Nghiêm; trong Pháp Hoa thì Thân-tử ba phen thỉnh đều là

năng vấn. Sở vấn: tức là hỏi trí tuệ Phật.

- Phần năm: Như Lai thuật tán, cùng với hỏi sai khác nhiều. Người hỏi và người tùy hỷ theo năng vấn đều là các Bồ-tát và người được hóa độ “nghe pháp rồi tin làm, chúng con đều tùy hỷ”. Đây Như Lai thuật tán người năng hóa độ sinh tùy hỷ, nghĩa đây thế nào? Nhưng người năng vấn đều là cổ Phật, “Ông năng tùy hỷ” tức là Như Lai, nghĩa là Bồ-tát tùy hỷ theo Tích, Như Lai thuật tán Bản, đây cũng là bí mật nêu ý thọ lượng.

Từ câu: “Lúc bấy giờ đức Di-lặc và tám nghìn hằng hà sa đại sĩ” trở xuống, là Tựa nghi vấn. Từ đạo tràng Tịch diệt đã giáng xuống, đến tòa Pháp Hoa này cũng đã đến, các đại sĩ trong mười phương đến hội không dứt, tuy không thể giới hạn nhưng con (Di-lặc) dùng trí lực Bồ xứ đều thấy đều biết, mà nơi chúng đây không biết một người. Con cũng từng du hóa khắp mười phương, thân cận hầu hạ chư Phật, chư Phật đại chúng thấy con đều biết; mà đối với việc hiện nay lai lịch cũng không biết, hoặc đến hoặc đi suy tìm như vậy con đều không biết. Lại các vị đại sĩ kia đều là do nhiều đời tu tập trước đã thông đạt, Di-lặc là người học sau, học sau không có trí như trước nên không biết. Lại, các vị đại sĩ kia Bản thật tướng tốt cùng ứng hiện khắp mười phương, riêng ban đầu giáo hóa có ứng chân thật, chẳng phải cảnh giới của Di-lặc, cho nên không biết. Lại, đức Phật uy thác hoằng kinh, gọi các đại sĩ. Đại sĩ nghe lệnh thầy, cho nên đến mật nghe thọ lượng, chẳng phải là điều mà chúng lúc ấy biết được, cho nên nói không biết. Đây là căn cứ Tứ Tát-đàn mà giải thích Tựa nghi vấn.

Nghi vấn chia làm hai: 1. Bồ-tát cõi này nghi. 2. Bồ-tát các cõi khác nghi. Cõi này nghi lại có hai: Một, văn trường hàng: niệm nghi. Hai, kệ tụng.

Kệ có mười chín hàng rưỡi: chánh nghi vấn, lại chia làm năm phần: 1. Một hàng và một câu, hỏi từ đâu đến. 2. Một hàng và ba câu tiếp theo, hỏi “Do nhân duyên gì nhóm”. 3. Từ “Mỗi mỗi các Bồ-tát” trở xuống, chín hàng trình bày số lượng Bồ-tát. 4. Từ “Các vị oai đức lớn” trở xuống, hai hàng, hỏi các Bồ-tát kia, ai là Thầy? 5. Từ “Các Bồ-tát như vậy thân thông trí lực lớn” trở xuống, năm hàng rưỡi kết thỉnh, lại chia làm năm: 1. Hai câu: kết tán. 2. Từ “Đất bốn phương rúng nứt” trở xuống, hai hàng: thỉnh đáp từ chỗ nào đến. 3. Từ “Con ở trong chúng đây” trở xuống, một hàng: thỉnh đáp do duyên nào đến. 4. Từ “Nay trong đại hội này” trở xuống, một hàng rưỡi: đại hội cùng thỉnh. 5. Từ “Thế Tôn đức vô lượng” trở xuống, hai câu: thỉnh Sư chủ đáp.

Bồ-tát các cõi khác nghi: Phân thân quyền thuộc theo chiều ngang khắp tại mười phương, cùng Di-lặc đồng nghi. Hai cõi đều không biết Bản địa, tức muốn hiển bày nghĩa thành đạo rất lâu. Mỗi mỗi thị giả đều nghi và trình bày với Phật của mình, Phật đều bảo nán đợi đức Di-lặc...

Từ “Bấy giờ đức Thích-ca Mâu-ni bảo ngài Di-lặc” trở xuống, là chánh thuyết. Văn chia làm hai phần:

- Phần một: trước trường hàng, sau kệ tụng răn hứa.

- Phần hai: Chánh thuyết trường hàng, trước thuật tán, sau răn bảo. Răn bảo chớ loạn chớ giải đãi chớ thoái lui, tiếp hứa nêu quả trí. Quả trí là tri kiến Như Lai, tri kiến diệu quả. Tiếp, khai giáo hóa là tuyên bày. “Tự tại thần lực” là quá khứ làm lợi ích chúng sinh. “Như sức mạnh nhanh của sư tử” là sức phân thân để giáo hóa khắp cả mười phương. Hoặc nói: “Mạnh, nhanh” là báo trước tướng trạng ở tương lai, tiêu biểu tướng lợi ích chúng sinh thường trụ mãi sau. “Lực uy thế mạnh lớn” là vị lai làm lợi ích chúng sinh. Hoặc cho rằng đây chỉ việc hiện tại: chấn động khắp mười phương, tùy ý người dùng mà giải thích. Mong y theo thứ lớp trong kinh văn thì tốt vậy. Theo ý riêng: Sự “tự tại của Như Lai” là (đức) Ngã. “Thần thông” là Lạc. “Sức sư tử mạnh nhanh”, mạnh nhanh trừ bỏ cấu uế, là Tịnh. “Lực uy thế mạnh lớn”, đời vị lai làm lợi ích chúng sinh, tức Thường. Đây là nêu bốn đức Thường Lạc Ngã Tịnh.

Bốn hàng kệ chia làm hai phần: Ba câu đầu, tụng răn bảo. Ba hàng và một câu sau, tụng hứa nói: một câu đầu nêu quả trí tuệ, tiếp ba hàng tụng ba đời.

Từ “Lúc bấy giờ đức Thế Tôn” trở xuống: đoạn Chánh thuyết. Văn chia làm ba phần: 1. Từ đây đến hết phẩm Thọ Lượng, là Chánh khai cận hiển viển. 2. Phần đầu của phẩm Phân Biệt Công Đức, là tổng thọ ký pháp thân. 3. Đức Di-lặc tổng trình bày sự (hiểu biết) lãnh giải.

Phần Chánh khai... có hai: 1. Lược khai cận hiển viển, động chấp sinh nghi. 2. Rộng khai cận hiển viển, đoạn Hoặc sinh tín.

Lược khai có hai: 1. Lược khai. 2. Nhân nghi lại thỉnh. Phần Lược khai có trường hàng và kệ tụng, trong đây chỉ đáp hai nghi vấn, không đáp do nhân gì mà tụ tập, do không đáp cho nên lại thỉnh. Văn trường hàng đều đáp cả hai, giải thích cả hai như văn.

Giải thích “hạ phương trụ ở không trung”. Thích luận nêu “Hữu Để tán Tam-muội”, ứng với bốn cách giải thích. Hữu là tam hữu (ba cõi), Để là phi tướng phi phi tướng, do có thể đạt tới chỗ sâu thẳm, cho

nên gọi là ĐỂ. Lại, Hữu là danh tướng. ĐỂ là Không, do Không tịch cho nên gọi là ĐỂ. Lại, Hữu là nhị biên tục. ĐỂ là biên tế trí đầy đủ, cho nên gọi là ĐỂ. Nay kinh dùng hư không ở hạ phương làm ĐỂ. Không phải cõi trên không phải cõi dưới, là tiêu biểu Trung đạo làm ĐỂ, đây là căn cứ giáo mà phân biệt. Từ “Ở trong các kinh điển” trở xuống, là giải thích. Sư biết đệ tử đầy đủ hai đức Trí Đoạn. Ban đầu là song tu Trí Đoạn, tiếp là song chứng Trí, Đoạn. “Đối các kinh điển phân biệt”, là tu Trí. “Chánh ức niệm” là tu Đoạn. “Chẳng ưa ở trong chúng” là chứng Đoạn. “Siêng tu tinh tấn”, là chứng Trí.

Từ “Không nương tựa nhân thiên mà ở”, là giải thích nơi chốn, nhân thiên là nhị biên, không trú không trước (đắm). “Trí tuệ sâu không chướng ngại”, là nương trí bất khả tư nghì. “Ưa ở trong pháp của Phật”, là ưa cảnh bất tư nghì, cảnh trí rất vi tế. Không phải Cận xứ và Hành xứ của Bồ-tát.

Kệ có tám hàng rưỡi chia làm hai: Năm hàng rưỡi đầu, tụng đáp hai nghi vấn. Ba hàng sau, tụng giải thích hai nghi vấn.

Từ “Lúc bấy giờ ngài Di-lặc” trở xuống: nhân nghi lại thỉnh, có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: 1. Nghi. 2. Thỉnh. Nghe trên nói đức Phật dưới cây Bồ-đề mới giáo hóa, mà nay các vị Bồ-tát đều trụ Bất thoái. Lại nghe: “Ta từ lâu xa đến nay giáo hóa chúng ấy”. Nghe hai câu này mà động chấp sinh nghi. Từ “Liên bạch Phật rằng” là khởi nghi, lại thỉnh. Có hai: 1. Pháp thuyết. 2. Thí thuyết.

- Pháp thuyết chia làm ba: 1. Từ “Liên bạch Phật rằng” trở xuống: nghi Phật thành đạo gần đây mà sao người được hóa độ rất nhiều, chấp Cận mà nghi Viễn. 2. Từ “Thế Tôn! Chúng đại Bồ-tát này” trở xuống: Bồ-tát được hóa độ đã nhiều, hạnh vị rất vi diệu, là chấp Viễn mà nghi Cận. 3. Từ “Thế Tôn! Việc như thế đời rất khó tin”: kết thỉnh.

- Thí thuyết có khai có hợp. Khai chia làm ba: “Sắc đẹp tóc đen”, dụ cho “Thành đạo gần”. “Chỉ người trăm tuổi” trở xuống, dụ cho “người được hóa độ rất nhiều”. Các sư ở phương Bắc thì dùng thí dụ để giải thích thí dụ: Cha uống thuốc cải lão hoàn đồng, cho nên diện mạo đồng hai mươi lăm tuổi; con không uống thuốc đó, cho nên hình dáng như trăm tuổi. Nếu biết sức mạnh của thuốc thì không có nghi ngờ cha con. Không biết việc đó cho nên nghi ngờ. Đức Như Lai theo chiều ngang uống thuốc thủy Tích, thị hiện mới sinh tại thành Già-da. Các Bồ-tát luận쟁 Bản địa, từ lâu phát đạo tâm nay trụ nơi Bất thoái. Chỉ Phật và Phật mới biết được việc này; tự mình thấp kém không thông đạt thì không thể không nghi. “Việc này khó tin” là kết thí dụ.

Từ “Đức Phật cũng như thế” trở xuống: Hợp thí. Văn chia làm hai phần: Một, hợp thí dụ Cận, như văn. Hai: từ “mà các đại chúng” trở xuống là hợp thí dụ Viễn. Xem đây thì Bồ-tát từ lâu đã gieo trồng thiện căn, chẳng phải chỉ mới phát tâm tại thành Già-da. “Khéo nhập, xuất, trụ” chín loại định theo thứ lớp, là “khéo nhập”, “Sư tử phần tấn” là “khéo xuất”, “siêu việt” là “khéo trụ”. Đây là ý của Thông giáo Tạng giáo. Từ Sơ địa đến Thập địa gọi là “khéo nhập”, Thập địa nhập trùng huyền môn. Đảo ngược sự tu theo kiểu phàm phu, gọi là “khéo xuất”. Diệu giác đầy khắp, gọi là “khéo trụ”. Đây là ý của Biệt giáo. Hoàn thiện Pháp tánh Tam-muội gọi là “khéo nhập”. Hoàn thiện Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, gọi là “khéo xuất”. Hoàn thiện Tam-muội vương gọi là “khéo trụ”. Đây là ý của Viên giáo. “Khéo theo thứ lớp tu tập các thiện pháp”, căn cứ nhân thì mới khéo tập, căn cứ quả thì mới khéo nhập... “Khéo đáp nạn vấn” là đủ hai thứ trang nghiêm. Thất phương tiện tôn quý, cho nên gọi là “báu quý trong loài người”.

Từ “Ngày nay đức Thế Tôn” trở xuống: thỉnh đáp, lại chia làm ba phần: 1. Từ “Ngày nay” trở xuống: nêu lời Phật. 2. Từ “Chúng con” trở xuống: thỉnh ý, thỉnh ý chia làm hai: Một: là hiện tại con tuy chưa thông đạt nhưng tin lời Phật nói mà thôi. Hai: từ “Nhưng các Bồ-tát” trở xuống: đời vị lai, người tu hành nông cạn sẽ sinh phỉ báng. “Các Bồ-tát mới phát tâm” hủy báng thì đoạ vào đường ác. Còn hạng bất thoái tuy tin không hủy báng nhưng không thể tăng trưởng đạo, hoặc là phân biệt, thì người hủy báng sẽ sinh lòng tin, người tin thì tăng trưởng đạo. 3. Từ “Kính thưa Thế Tôn!” trở xuống: chính thỉnh đáp. Thỉnh đáp cũng có hai: Một: Trừ lòng nghi của chúng con. Hai: từ “Và chúng sinh đời vị lai” là trừ nghi cho đời vị lai.

Kệ có mười bốn hàng tụng Pháp thuyết Thí thuyết trên. Năm hàng đầu, tụng Pháp thuyết, chín hàng sau tụng Thí thuyết.

Trong Pháp thuyết có ba: 1. Một hàng, tụng chấp Cận. 2. Từ “Các hàng Phật tử này” trở xuống, hai hàng và ba câu, tụng nghi Viễn. 3. Từ “Thế nào mà tin được” trở xuống, một hàng và một câu, tụng kết thỉnh.

Trong tụng Thí thuyết có hai: 1. Hai hàng, tụng khai thí. 2. Từ “Thế Tôn cũng như vậy” trở xuống, bảy hàng, tụng hợp thí, lại có ba:

1. Hai câu, tụng hợp Cận. 2. Từ “Các chúng Bồ-tát này” trở xuống, ba hàng rưỡi, tụng hợp Viễn. 3. Từ “Chúng con từ Phật nghe” trở xuống, ba hàng, tụng hợp thỉnh đáp.